TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-PT

Ngày 26 – 9 - 2025

V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Trung Dũng

2. Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLPT-DS ngày 20/8/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2025/HNGĐ-ST ngày 06/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Lào Cai, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2025/QĐ-PT, ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Mỹ P, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang)). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái (Nay là xã Đ, tỉnh Lào Cai)). Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Đình D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Mỹ P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 03/7/2017 tại UBND xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã Đ, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị làm ăn, sinh sống tại Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D vô cơ ghen tuông, thường xuyên dùng lời lẽ lăng mạ, sỉ nhục, xúc phạm chị P, ảnh hưởng tới danh dự của chị. Anh D1 còn có hành vi ngăn cản không cho chị đưa con về thăm ông bà ngoại, nhiều lần đánh con và sử dụng những từ ngữ đe đọa ảnh hưởng đến tâm lý của con. Anh Dũng còn dùng vũ lực đe dọa chị nếu không nghe theo lời anh D1 thì sẽ không cho thăm con. Đến năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng căng thẳng khi anh D1 sử dụng mạng xã hội để Chát với hình ảnh nhạy cảm của bản thân, hơn nữa từ sự việc trên chị đã nhận được nhiều tin nhắn, hình ảnh tống tiền đã làm chị suy sụp nghiêm trọng về tinh thần và xấu hổ với bạn bè. Đầu năm 2025 anh D1 tự ý đưa con về quê nội sinh sống khi chưa được sự bàn bạc, nhất trí của chị và đe dọa không cho chị thăm con nếu chị không nghỉ việc ở Hà Nội. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D1.

Về con chung: Quá trình chung sống chị P và anh D1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Minh D2, sinh ngày 12/9/2019. Khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đình Minh D2 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu có đăng ký hôn ngày 03/7/2019 tại Ủy ban nhân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái (Nay là xã Đ, tỉnh Lao Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Nội. Thời gian đầu sau khi kết hôn chị P không có công việc làm ổn định, không có thu nhập, bản thân anh một mình lo trang trải sinh hoạt gia đình và nuôi vợ con. Đến năm 2023, do chị P có biểu hiện lạnh nhạt với anh và thấy thiếu thốn về mặt tình cảm nên vì thiếu suy nghĩ anh đã sử dụng mạng xã hội và có hành vi Chát trên mạng xã hội để thỏa mãn bản thân. Nhưng ngay sau đó, bản thân anh đã nhận thức được đó là việc làm trái và kịp thời xử lý nên mọi việc đã trở nên mọi việc đã trở lại bình thường. Đầu năm 2025, anh phải nằm viện tại Bệnh viện B để điều trị, bản thân không kiếm được tiền, từ đó chị P luôn tìm cách né tránh anh, gây mâu thuẫn với anh. Bản thân anh thấy rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến việc phải ly hôn. Nay chị P làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Đình Minh D2

sinh ngày 12/9/2019. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D2 và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/HNGĐ-ST ngày 06/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Mỹ P được ly hôn anh Nguyễn Đình D

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Đình Minh D2 sinh ngày 12/9/2019 cho chị Trương Mỹ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có khi có sự thay đổi của pháp luật. Anh Nguyễn Đình D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20/8/2025, bị đơn anh Nguyễn Đình D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần nuôi con khi ly hôn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Nguyễn Đình Minh D2 - sinh ngày 12/9/2019 cho anh Nguyễn Đình D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa chị Trương Mỹ P giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh Nguyễn Đình D giữ nguyên nội dụng kháng cáo, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Nguyễn Đình Minh D2 cho anh nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của

anh Nguyễn Đình D, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đình D có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị P và anh D đều xác nhận tình trạng hôn nhân đã có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử cho chị Trương Mỹ P được ly hôn với anh Nguyễn Đình D. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo về phần này nên quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Đối với nội dung đơn kháng cáo của anh D cho rằng trong thời gian hôn nhân, chị P đã có quan hệ với người đàn ông khác và cung cấp các hình ảnh tin nhắn qua mạng xã hội. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng, hình ảnh tin nhắn qua mạng xã hội này không thể hiện thời gian, người nhắn tin có phải là chị P hay không và nội dung tin nhắn không đủ căn cứ xác định việc chị P có quan hệ với người đàn ông khác như anh D trình bày.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đình D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Đình Minh D2 - Sinh ngày 12/9/2019 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi:

[3.1] Xét điều kiện vật chất để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của chị P và anh D:

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện chị P và anh D đều chưa có nhà ở riêng, anh chị đều làm nghề tự do.

Tại cấp sơ thẩm, chị Trương Mỹ P cung cấp tài liệu là bản sao kê tài khoản tại Ngân hàng TMCP K từ thời gian 01/02/2025-15/05/2025 thể hiện việc chị P có thu nhập ổn định, có mức thu nhập khoảng từ 7.500.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Đình D cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện vật chất để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, anh D không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho thu thập của mình.

Như vậy, xét về điều kiện vật chất để trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị P có đủ điều kiện để có thể nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Nguyễn Đình Minh D2 còn nhỏ, là cháu trai. Thấy rằng, chị P và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, xét thấy cháu D2 còn nhỏ nên cần tình yêu thương, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt tốt nhất cho cháu D2. Bản án sơ thẩm đã giao cháu D2 cho chị P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.2] Anh Dũng kháng cáo cho rằng chị P không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nhưng anh D không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, kháng cáo của anh D là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đình D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2025/HNGĐ-ST ngày 06/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Lào Cai.

2. Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Đình D phải chịu 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Đình D đã nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)*tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0000682 ngày 20/8/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- TAND khu vực 3- Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 3-Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dũng Trương Quyết Thắng

Trần Văn Nghĩa